

ÔN TẬP BÀI 2

NHỮNG CUNG BẠC TÂM TRẠNG

TIẾT 8: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:

BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ

BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP THANH VÀ ĐIỆP VẦN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực: Giúp HS:

- Củng cố kiến thức về các biện pháp tu từ chơi chữ, tu từ điệp thanh, điệp âm: nắm rõ đặc điểm, tác dụng.
- Rèn khả năng nhận biết và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp âm trong các trường hợp..
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.
- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hành bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm.
- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV, các đơn vị kiến thức thực hành tiếng Việt của bài học 2.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức.

PHẦN I. NHẮC LẠI LÝ THUYẾT

I. Tìm hiểu về biện pháp chơi chữ

1. Khái niệm

Chơi chữ là biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa của từ ngữ một cách khéo léo nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người đọc (người nghe).

2. Một số cách chơi chữ thường gặp

- Dùng từ đồng âm.
- Dùng từ gần âm (trại âm).
- Dùng lối điệp âm.
- Dùng lối nói lái.
- Dùng từ trái nghĩa.
- Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa.

=> Những cách chơi chữ này có thể sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau làm phong phú thêm cho tư duy, đồng thời tạo sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói.



3. Phạm vi sử dụng

- Dùng trong giao tiếp sinh hoạt đời thường.
- Dùng trong sáng tác văn học: thơ văn trào phúng, câu đối, ca dao,...

II. Tìm hiểu về biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần

	Điệp thanh	Điệp vần
1. Là gì?	Là biện pháp tu từ ngữ âm, tạo nên bằng cách lặp lại thanh điệu cùng loại (thanh bằng hoặc thanh trắc)	Là biện pháp tu từ ngữ âm, sử dụng những âm tiết có vần giống nhau.
2. Tác dụng	Làm tăng tính nhạc, nâng cao hiệu quả diễn đạt.	Tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính nhạc để biểu đạt cảm xúc

		của người viết (người nói), đồng thời gây ấn tượng thẩm mỹ cho người đọc (người nghe).
3. Cách nhận biết	- Điệp thanh có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại một loạt âm tiết có cùng thanh điệu (thanh bằng hoặc thanh trắc). - Điệp thanh cũng có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại thanh điệu theo từng nhóm âm tiết.	- Điệp vần trong thơ có thể xuất hiện ở vị trí các âm tiết gieo vần: âm tiết cuối cùng của câu thơ (vần chân) hoặc âm tiết nằm ở khoảng giữa câu thơ (vần lưng), tạo tính liên kết, tính nhạc cho câu thơ. - Điệp vần còn có thể xuất hiện ở những vị trí âm tiết không đóng vai trò gieo vần, tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng nhạc tính để chuyển tải cảm xúc cần biểu đạt trong thơ.

PHẦN II. LUYỆN TẬP

I. Thực hành bài tập về biện pháp chơi chữ

Bài tập 1. Xác định biện pháp tu từ chơi chữ trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này:

a. *Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc;*

Thương nhà mỗi miện, cái gia gia.

(Bà Huyện Thanh Quan, Qua Đèo Ngang)

b. *Con cá đối nằm trong cối đá*

Mèo đuôi cụt nằm mút đuôi kẻo

Anh mà đối đặng, dẫu anh nghèo em cũng ưng

(Ca dao)

c. *Tiệm bánh mì chả nóng ế khách vì bán bánh mì chả nóng.*

d.

Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

(Nguyễn Du)

e.

Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,

Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.

Mời cô mời bác ăn cùng,

Sầu riêng mà hóa vui chung trăm nhà.

(Phạm Hồ)

f.

Bán rượu, bán chè, không bán nước.

Buôn trăm, buôn chục, chẳng buôn quan.

(Câu đối)

g.

Cô Xuân mà đi chợ Hạ

Mua một con cá thu về chợ hãy còn đông.

h.

Chờ em nửa tháng ni (nay) rồi

Ôm đòn (đàn) bán nguyệt dựa ngòi bóng trăng

GỢI Ý

Trường hợp	Biện pháp chơi chữ	Tác dụng
a	Trong hai dòng thơ này, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm “quốc quốc” (chim cuốc – nước), hiện tượng gần âm “gia gia (da da) (chim đa đa – nhà)	Tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho VB.
b	Trong đoạn ca dao này, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ dựa trên hiện tượng nói lái <i>cá đối – cối đá, mèo đuôi cụt – mót đuôi kẻo</i> .	Tạo ra những liên tưởng bất ngờ, thú vị, gây ấn tượng cho người đọc.
c	Ngữ liệu này sử dụng biện pháp chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm: <i>chả₁</i> – một món ăn và <i>chả₂</i> – “không”.	Làm cho cách diễn đạt trở nên thú vị, hấp dẫn
d	Lối chơi chữ: Dựa trên lối nói trại âm (gần âm) giữa “ <i>tài</i> ” (năng khiếu, tài năng) và “ <i>tai</i> ” (tai nạn, rủi ro). Hai từ này có cùng âm vần nhưng ý nghĩa hoàn toàn trái ngược nhau.	Làm cho cách diễn đạt trở nên thú vị, hấp dẫn, gây ấn tượng cho người đọc. Cách chơi chữ này nhấn mạnh việc cần phải khiêm tốn, không được cậy có tài.
e	Tác giả sử dụng biện pháp chơi chữ dựa trên	Tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú

	hiện tượng dùng từ trái nghĩa: <i>sâu riêng</i> (tên một loại trái cây, cũng đồng âm với từ ngữ trái nghĩa với <i>vui chung</i>).	vị, làm tăng sức hấp dẫn cho VB.
f	Lối chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm, bán nước có thể hiểu là bán nước uống, cùng âm với nghĩa cố định “bán nước” (Phản bội tổ quốc), “buôn quan” tức buôn một lượng hàng hoá có giá trị một quan tiền (hoặc buôn bán trong phạm vi một quan tiền), cùng âm với “buôn quan” (mua bán chức tước).	Tạo ra sự hài hước, khéo léo thông qua lối chơi chữ, gợi lên hình ảnh những người giữ lòng tự trọng của mình và không dễ “ <i>bán</i> ”, “ <i>buôn</i> ” với mọi lời đề nghị.
g	Lối chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm: Xuân là tên người, ngoài ra còn gọi đến mùa xuân, Hạ là tên chợ, ngoài ra còn gọi đến mùa hè, thu chỉ cá thu và gọi đến mùa thu, đông chỉ tính chất của chợ (nhiều người) và gọi đến mùa đông.	Cách dùng từ gợi sự hóm hỉnh, óc hài hước của người xưa.
h	Lối chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng nghĩa giữa từ Hán Việt và thuần Việt: <i>nửa tháng – bán nguyệt; nguyệt – trăng</i> .	Làm cho cách nói thêm thú vị, hài hước mà vẫn diễn tả được tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình.

Bài tập 2. Năm 1946, khi được nhà thơ Hăng Phương biếu một gói cam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm một bài thơ để cảm ơn bà như sau:

*Cảm ơn bà biếu gói cam
 Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?
 Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
 Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?*

Hãy chỉ ra lối chơi chữ được sử dụng trong bài thơ trên và phân tích tác dụng của lối chơi chữ đó.

GỢI Ý

- Biện pháp chơi chữ sử dụng từ đồng âm: *khổ, cam*
 - + *khổ*: khổ đau (thuần Việt), đắng (Hán Việt)
 - + *cam*: quả cam (thuần Việt), ngọt (Hán Việt)
- ➔ Thành ngữ Hán Việt “Khổ tận cam lai”: hết khổ sở đến lúc sung sướng.

Bài tập 3: Sưu tầm một số câu nói trong giao tiếp hằng ngày có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Nêu đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ này trong mỗi trường hợp.

GỢI Ý

Một số câu nói trong giao tiếp hằng ngày có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ là:

+ “*Thắng thần, thật thà thường thua thiệt*

Lộc lừa, lươn lẹo lại lên lương”

=> Sử dụng cách chơi chữ điệp âm đầu – giúp cho câu văn trở nên hài hước, dí dỏm, tạo điểm nhấn giúp lời nói trở nên hay hơn, được ghi nhớ lâu hơn.

+ “*Bà già đi chợ cầu đông*

Xem một que bói lấy chồng lợi chăng

Thầy bói gieo quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn”

=> Sử dụng từ ngữ đồng âm – giúp cho bài thơ trở nên hài hước, dí dỏm tạo tiếng cười cho người đọc, người nghe.

II. Thực hành bài tập về biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần

Bài tập 1: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp sau:

a. *Ô hay buồn vương cây ngô đồng*

Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mệnh mông.

(Bích Khê, *Tì bà*)

b. *Tài cao phận thấp chí khí uất*

Giang hồ mê chơi quên quê hương.

(Tản Đà, *Thăm mả cũ bên đường*)

c. *Khóc anh không nước mắt*

Mà lòng đau như thắt

Gọi anh chữa thành lời

Mà hàm răng dính chặt.

(Hoàng Lộc, *Viếng bạn*)

d. *Ô! Đêm nay trời trong như gương*

Không làn mây vương không hơi sương.

(Hàn Mặc Tử, *Tiêu sầu*)

e. *Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

Sóng đã cài then đêm sập cửa

Đoàn thuyền đánh cá lại rơi khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

(Huy Cận, Đoàn thuyền đánh cá)

GỢI Ý

a) - Biện pháp tu từ điệp thanh được tạo nên bằng cách lặp lại các âm tiết có cùng loại thanh điệu là thanh bằng.

- Tác dụng: tạo nên âm hưởng nhẹ nhàng, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho hai dòng thơ đồng thời gợi liên tưởng về một không gian mênh mông, nhiều cảm xúc.

b) - Dòng thơ đầu sử dụng 5/7 thanh trắc liên tiếp (*Tài cao **phận thấp chí khí uất***), trong khi dòng thơ thứ hai sử dụng toàn thanh bằng (*Giang hồ mê chơi quên quê hương*).

- Tác dụng: Sự đối lập này (điệp thanh trắc – điệp thanh bằng) tạo nên nhạc tính, tăng sức biểu cảm, góp phần thể hiện ý nghĩa của hai dòng thơ.

c) - Biện pháp tu từ điệp thanh được tạo nên bằng cách lặp lại các âm tiết có cùng loại thanh điệu là thanh trắc (các âm tiết cùng thanh trắc: *khóc, nước, mắt, thất, gọi, chữa, đánh, chặt*, đặc biệt là các thanh trắc ở các vị trí gieo vần: *mắt, thất, chặt*).

- Tác dụng: Tạo âm hưởng về một cảm xúc đau đớn nhưng cố phải nén lại.

d) - Điệp thanh có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại một loại âm tiết có cùng thanh điệu thanh bằng.

- Tác dụng: hai câu thơ toàn thanh bằng sau đây đem lại âm hưởng nhẹ nhàng, êm dịu, như tiếng lòng của thi nhân muốn dịu lại, vơi đi những nỗi sầu.

e) - Câu thơ *Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi* sử dụng toàn thanh bằng => điệp thanh.

- Tác dụng: Tạo âm hưởng nhịp nhàng, không khí ra khơi đầy hào hứng của đoàn thuyền đánh cá.

Bài tập 2: Đọc đoạn trích sau:

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người.

(Nguyễn Tuân, Người lái đò Sông Đà)

a. Em có nhận xét gì về thanh điệu được sử dụng trong đoạn trích trên?

b. Việc sử dụng thanh điệu như vậy có tác dụng gì?

GỢI Ý

a. Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng rất nhiều thanh bằng (*Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người.*), và đặc biệt vị trí tiếng cuối các câu luôn là thanh bằng.

b. Việc sử dụng nhiều thanh bằng như vậy tạo nên nhạc tính, tăng sức biểu cảm cho VB, gợi ra một không gian tĩnh lặng đến vô cùng.

Bài tập 3: Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ điệp vần trong các trường hợp dưới đây:

a. *Rơi hoa kết mưa còn rả rích*

Càng mưa rơi càng tịch bóng dương

Bóng dương với khách tha hương

Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.

(Bích Khê, *Tiếng đàn mưa*)

b. *Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa*

Một buổi trưa, nắng dài bãi cát

Gió lồng xôn xao, sóng biển đu đưa

Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát...

(Tổ Hữu, *Mẹ Tom*)

c. *Anh dắt em vào cội Bác xưa*

Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa.”

(Tổ Hữu, *Thăm cội Bác xưa*)

GỢI Ý

a. - Điệp vần: “ương” ở các âm tiết “dương”, “hương”

- Tác dụng: tạo nên cảm nhận về nỗi khắc khoải, day dứt; gây ấn tượng về sự đồng điệu giữa cảnh vật và con người.

b. - Điệp vần “ưa” trong các âm tiết “xưa”, “trưa”, “đưa”; điệp vần “at” trong các âm tiết “cát”, “mát”, “hát”; điệp vần “a” trong các âm tiết “ta”, “nga”; điệp vần ai trong các tiếng “dài”, “bãi”

- Tác dụng: Biện pháp điệp vần đem lại không gian rất êm dịu, nhẹ nhàng với *nắng trải dài bãi cát, với gió lồng xôn xao, sóng biển đu đưa*. Đồng thời, ta còn thấy được tâm trạng vui vẻ của nhân vật trữ tình qua câu thơ *Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát*.

c. - Điệp vần “ăng” ở hai âm tiết đứng liền nhau (*trắng, nắng*) trong dòng thơ thứ hai.

- Tác dụng: tạo nên ấn tượng những chùm hoa nối tiếp nhau đua đưa dưới nắng; miêu tả sinh động khung cảnh tươi đẹp, thanh bình của nơi Bác Hồ từng sống và làm việc.

Bài tập 4: Nêu tác dụng của việc kết hợp biện pháp điệp thanh và điệp vần trong trường hợp sau:

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

(Xuân Diệu, *Nhị hờ*)

GỢI Ý

- Biện pháp điệp thanh: Hai dòng thơ sử dụng toàn thanh bằng.

- Biện pháp điệp vần: Sự lặp lại các âm tiết có vần “ương”, “ung”, “ơ”.

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

➔ Biện pháp điệp thanh và điệp vần góp phần quan trọng làm nên nhạc tính cho hai dòng thơ, đồng thời gợi cho người đọc hình dung về một không gian đầy chất thơ, không gian cảm xúc của con người.

Bài tập 5: Theo em, sự hài hòa về âm thanh trong đoạn thơ dưới đây được tạo ra nhờ những yếu tố nào?

*Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi
Say đồng hương nắng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời...*

(Tố Hữu, Nhớ đồng)

GỢI Ý

- Sự hài hoà về âm thanh trong một đoạn thơ/ một bài thơ có thể được làm nên bởi nhiều yếu tố: vần thơ, nhịp thơ, sự điệp thanh, sự điệp vần,...
- Trong ngữ liệu đã cho, chúng ta thấy có sự lặp lại các âm tiết có vần “ôi” (*rồi – tôi – tôi*), sự lặp lại các thanh bằng (*Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi / Nhẹ nhàng như con chim cà lơi*). Tất cả những yếu tố này đã làm nên sự hài hoà về âm thanh, tạo nhạc tính cho đoạn thơ.

Bài tập 6: Viết một đoạn văn tả cảnh quê hương có sử dụng ít nhất một điệp thanh hoặc điệp vần.

GỢI Ý

Đoạn văn tham khảo

Dù có đi khắp bốn phương trời, chúng ta không thể nào quên được những kí ức tươi đẹp về quê hương – nơi ta sinh ra và lớn lên. Nhắm mắt lại, trong tâm tưởng của ta hiện về hình ảnh những cánh đồng lúa chín kéo dài xa tít tận chân trời. Ta ngẩn ngơ theo những đàn cò trắng đang chăm chú kiếm ăn trên cánh đồng bỗng ngác khi có âm thanh của tiếng còi tàu chạy qua. Ta thả hồn nhẹ nhàng đi qua bình minh êm dịu, hoàng hôn tà tà mênh mang, lãng mạn. Trái tim ta thổn thức khi nghe tiếng sáo diều vi vu trên cánh đồng đầy gió. Nhớ lắm quê hương ơi!

⇒ Điệp thanh: Sử dụng âm tiết toàn thanh bằng liên tiếp trong câu văn: *Ta thả hồn nhẹ nhàng đi qua bình minh êm dịu, hoàng hôn tà tà mênh mang, lãng mạn.*

Hướng dẫn học bài ở nhà:

- Ôn lại các kiến thức về biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần.
- Sưu tầm và làm thêm các bài tập về biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần.

TIẾT 9, 10 ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:
VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC
(THƠ SONG THẤT LỤC BÁT)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực: Giúp HS:

- Giúp HS củng cố kĩ năng viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát).
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng sáng tác văn học của người xưa.
- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: hệ thống các đề, dàn ý cụ thể cho từng đề bài ôn tập.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hành bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm.
- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV, các đơn vị kiến thức cơ bản kĩ năng viết của bài học 2.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức

PHẦN 1: ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Yêu cầu của kiểu bài

- Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (tên tác phẩm, tên tác giả), nêu được **nhận định chung** của người viết về tác phẩm.
- Làm rõ được **nội dung chủ đề** tác phẩm.

- Phân tích được những nét đặc sắc về **hình thức nghệ thuật** của tác phẩm, tập trung vào **những yếu tố đặc trưng** của thể thơ song thất lục bát và **tác dụng** của thể thơ này trong việc thể hiện nội dung của tác phẩm.
- Triển khai được **hệ thống luận điểm** chặt chẽ; sử dụng **lí lẽ, bằng chứng** xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Khẳng định được **ý nghĩa, giá trị** của tác phẩm.

2. Dàn ý chung

Mở bài	Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhân đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm.
Thân bài	Lần lượt phân tích các phần theo bố cục tác phẩm thơ: + Phần 1 (từ câu...đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,...và một số nét đặc sắc về nghệ thuật. + Phần 2 (từ câu...đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,...và một số nét đặc sắc về nghệ thuật. + ...
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ.

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ STL B

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Đã giới thiệu được tác giả, tên tác phẩm thơ STL B; nêu ý kiến chung về tác phẩm		
Thân bài (triển khai theo bố cục tác phẩm)	- Đã phân tích, làm rõ đặc điểm nội dung của bài thơ		
	Đã phân tích, làm rõ một số nét đặc sắc về nghệ thuật (đặc biệt là khai thác những đặc điểm của thể thơ STL B)		
Kết bài	Khẳng định được ý nghĩa và giá trị nghệ thuật của tác phẩm		
Kĩ năng, trình bày diễn đạt	Sắp xếp các ý triển khai và dẫn chứng hợp lí.		
	Bố cục chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các ý.		

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nội dung lỗi cần sửa		Sửa lỗi
Phát hiện lỗi về ý và trình tự triển khai ý	Thiếu ý	
	Sắp xếp lại ý lộn xộn	
	Sửa lại các ý lạc đề	
	Sửa lại các ý tản mạn	
Phát hiện sửa lỗi diễn đạt	Lỗi dùng từ	
	Lỗi viết câu	
Lỗi chính tả	Lỗi chính tả	

II. THỰC HÀNH VIẾT

Đề số 01: Viết bài văn phân tích văn bản sau:

HAI CHỮ NƯỚC NHÀ*

(Trích)

*Con nên nhớ tổ tông khi trước
Đã từng phen vì nước gian lao
Bắc Nam bờ cõi phân mao
Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây*

*Kìa Trưng nữ ra tay buồm lái
Phận liễu bồ xoay với cuồng phong
Giết giặc nước, trả thù chồng
Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi.*

*Kìa Hưng Đạo gặp khi quốc biến
Vì giống nòi quyết chiến bao phen
Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên
Guom reo chính khí nước rền dư uy.*

*Coi lịch sử gương kia còn tỏ
Mở dư đồ đất nọ chưa tan
Giang san này vẫn giang san
Mà nay sẽ ghé tan đàn vì ai?*

*Con nay cũng một người trong nước
Phải nhắc câu Gia, Quốc đôi đường
Làm trai hồ thỉ bốn phương
Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng*
(Trần Tuấn Khải**)

Chú thích:

* *Hai chữ nước nhà* là bài thơ mở đầu của tập *Bút quan hoài I* (1924). Bài thơ được lấy đề tài lịch sử vào thời quân Minh xâm lược nước ta: Ông Nguyễn Phi Khanh (cha Nguyễn Trãi) bị giặc bắt đem sang Trung Quốc, Nguyễn Trãi đi theo nhưng đến biên giới, Nguyễn Phi Khanh khuyên con nên trở về tính chuyện trả thù nhà, đền nợ nước.

Bài thơ gồm ba phần, phần một là khái quát hoàn cảnh của đất nước lúc bấy giờ; phần hai là lời căn dặn của người cha với con; phần ba là, nghĩa vụ của con đối với đất nước. Đoạn trích trên thuộc phần thứ hai của bài thơ.

** Trần Tuấn Khải (1895 - 1983) bút hiệu là Á Nam, quê ở huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông thường mượn những đề tài lịch sử hoặc biểu tượng nghệ thuật bóng gió để bộc lộ nỗi đau mất nước, nỗi căm giận bọn cướp nước và bè lũ tay sai. Đồng thời qua đó khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân, bày tỏ niềm khát vọng tự do, độc lập cho dân tộc.

Gợi ý lập dàn ý

1. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả Trần Tuấn Khải.
- Giới thiệu khái quát về bài thơ “*Hai chữ nước nhà*” và văn bản đoạn trích được phân tích.

2. Thân bài

***Khái quát:** Bài thơ “*Hai chữ nước nhà*” là lời của người cha Nguyễn Phi Khanh dặn dò, trao gửi tới người con trai là Nguyễn Trãi trước khi ông bị giặc Minh bắt đưa sang Trung Quốc. Lời lẽ trước lúc biệt ly thể hiện rõ ước mong của người cha yêu nước rằng người con hãy ở lại quê hương để thay cha trả thù nước, nợ nhà. Bài thơ gồm ba phần, phần một là khái quát hoàn cảnh của đất nước lúc bấy giờ; phần hai là lời căn dặn của người cha với con; phần ba là, nghĩa vụ của con đối với đất nước. Đoạn trích trên thuộc phần thứ hai của bài thơ.

***Phân tích đoạn trích:**

a. Luận điểm 1: Phân tích nội dung chủ đề của đoạn thơ

- Trước hết, bài thơ thể hiện niềm tự hào về truyền thống vẻ vang chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
- + **Khổ thơ thứ nhất** là lời khẳng định khát vọng độc lập chủ quyền và quyết tâm giữ vững chủ quyền ấy của con người nước Nam bao đời:

*Con nên nhớ tổ tông khi trước
Đã từng phen vì nước gian lao
Bắc Nam bờ cõi phân mao*

Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây

++ *Tổ tông khi trước* - vì nước gian lao là khẳng định nước Nam từng bao phen bị ngoại bang nhòm ngó, xâm lăng. Nhưng thời nào cũng có những có người kiệt xuất đứng lên hiệu triệu lòng dân để đánh giặc.

++ *Bắc Nam bờ cõi phân mao* lại là lời khẳng định chắc nịch về độc lập chủ quyền của nước Nam ta với cõi Bắc là phong kiến Trung Quốc.

++ Để giữ vững *Ngọn cờ độc lập*, biết bao người đã phải hi sinh xương máu, lá cờ được nhuộm bằng máu máu đào còn đây.

+ **Khổ thơ thứ hai, ba** là minh chứng hùng hồn về những tấm gương anh hùng nghĩa liệt vì nước quên thân.

*Kìa Trưng nữ ra tay buồm lái
Phận liễu bỏ xoay với cuồng phong
Giết giặc nước, trả thù chồng*

Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi.

++ Tấm gương người liệt nữ Trưng Trắc, Trưng Nhị là những người mở đầu cho trang sử vàng đấu tranh giành chủ quyền dân tộc trước sự đô hộ hàng ngàn năm của phong kiến phương Bắc. *Phận liễu bỏ xoay với cuồng phong* câu thơ với phép tiểu đối đầy nghệ thuật: *phận liễu bỏ* - phận nữ nhi chân yếu tay mềm; *cuồng phong* - gió điên cuồng như bão táp. Trong xã hội phong kiến còn nặng nề cổ tục trọng nam khinh nữ, nhưng tinh thần anh dũng quật khởi của hai người phụ nữ họ Trưng đã khẳng định khát vọng khẳng định chủ quyền, ý chí quyết tâm giành độc lập dân tộc, trả thù nước nợ nhà với quan niệm “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” của cha ông ta từ bao đời. Qua đó thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca, cảm phục, ngưỡng mộ của người cha với những người anh hùng, dù rằng họ là phận nữ nhi.

*Kìa Hưng Đạo gặp khi quốc biến
Vì gióng nòi quyết chiến bao phen
Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên
Gươm reo chính khí nước rền dư uy.*

++ Tiếp nối những trang sử vàng là mốc son chói lọi với vương triều nhà Trần ba lần đại thắng Mông Nguyên mà đỉnh cao là tài năng quân sự kiệt xuất của Hưng Đạo đại Vương Trần Quốc Tuấn. Khổ thơ gợi nhắc tới những chiến công lừng lẫy nhất của quân dân nhà Trần với trận chiến trên sông Bạch Đằng dim giặc ngoại xâm dưới sông sâu bể nhục. Những câu thơ hùng hực khí thế tự hào, tự tôn dân tộc.

+ **Khổ thơ thứ tư** là niềm xót xa cho thực tại nước mất nhà tan:

Coi lịch sử gương kia còn tỏ

Mở dư đồ đất nọ chưa tan

Giang san này vẫn giang san

Mà nay sẽ ghé tan đàn vì ai?

++ Những từ ngữ ngụ ý khẳng định: *còn tỏ, chưa tan, giang san này vẫn giang san* nhưng khép lại bằng một câu hỏi tu từ đầy ám ảnh, xót xa: *Mà nay sẽ ghé tan đàn vì ai?* Hình ảnh ẩn dụ *sẽ ghé tan đàn* nói về cảnh nước mất nhà tan, hai tiếng *vì ai* đầy trách hờn, ai oán với giặc ngoại xâm gây ra cảnh tan đàn sẽ ghé.

- **Đoạn thơ còn là lời gửi trao, kí thác của người cha với con mình.**

+ Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là người cha Nguyễn Phi Khanh, một công thần đã bị quân Minh bắt đưa về Trung Quốc cùng cha con Hồ Quý Ly. Trước ranh giới quốc gia, nơi phân chia Nam- Bắc, người cha đã dặn dò người con trai là Nguyễn Trãi đang muốn đi theo để chăm sóc, phụng dưỡng cha già. Ông đã ân cần nhắc con về truyền thống về vang của dân tộc: *Con nên nhớ tổ tông khi trước*. Việc nhắc cho con nhớ về những tấm gương anh hùng vì nước quên thân là cha muốn con hiểu rằng khi con biết sống vì nghĩa lớn, biết hi sinh cho đại cục, thì dầu ngàn năm tiếng thơm còn mãi, sử sách lưu danh.

+ Đặc biệt, khổ thơ cuối đoạn đã cụ thể hoá lời căn dặn, lời gửi trao của cha với con mình:

Con nay cũng một người trong nước

Phải nhắc câu Gia, Quốc đôi đường

Làm trai hồ thi bốn phương

Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng

++ Cha nhắc con về bổn phận của một người dân yêu nước, trước cảnh nước mất nhà tan cần *Phải nhắc câu Gia, Quốc đôi đường*, con không thể chỉ vì chữ *Gia* - vì nhà, vì cha mà quên đi chữ *Quốc*.

++ Cha còn nhắc con về chí làm trai:

Làm trai hồ thi bốn phương

Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng

Câu thơ gợi nhắc tới quan niệm về chí làm trai trong xã hội phong kiến như bao người đã từng đúc kết. Khi đất nước thanh bình, chí làm trai là vẫy vùng bốn bể, thoả chí tang bồng:

Chí làm trai nam bắc tây đông

Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể

Lúc thế nước lâm nguy, thân làm trai lại phải biết gánh lo việc lớn:

Chí làm trai dậm nghìn da ngựa

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

Ở đây, người cha nhắc con hãy sống xứng đáng với tiền nhân, sống để không phải hổ thẹn với những tấm gương nghĩa liệt của con Lạc cháu Rồng. Những câu thơ ngắn gọn mà chất chứa bao kì vọng, bao điều nhắn nhủ của người cha yêu nước, biết quên nổi mình mà nghĩ cho thể nước lâm nguy. Một người cha như thế đã sinh ra và dưỡng dục lên một người con kiệt xuất, nhà quân sự tài ba Nguyễn Trãi – người đã phò giúp Lê Lợi đánh tan giặc Minh xâm lược, trả thù nước nợ nhà như đúng kì vọng của người cha Nguyễn Phi Khanh.

b. Luận điểm 2: Một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ.

- Thể thơ song thất lục bát với quy định rất chặt chẽ về vần, về nhịp.

+ Vần chân xen vần lưng, vần trắc xen lẫn vần bằng. Chẳng hạn ở khổ thơ thứ nhất:

Con nên nhớ tổ tông khi trước

T

Đã từng phen vì nước gian lao

T

B

Bắc Nam bờ cõi phân mao

B

Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây

B

Nhịp thơ của cặp câu lục chủ yếu nhịp chẵn, lẻ (3/4), ví dụ hai câu:

Coi lịch sử/ gương kia còn tỏ

Mở dư đồ/ đất nọ chưa tan

Cặp lục bát chủ yếu ngắt nhịp chẵn, ví dụ hai câu sau:

Làm trai/ hồ thi/ bốn phương

Sao cho khỏi thẹn/ với gương Lạc Hồng

Vần nhịp ấy góp phần tạo nên giọng điệu riêng của đoạn thơ: vừa kể việc, vừa trải nỗi niềm, vừa đầy tự hào tự tôn dân tộc, vừa tha thiết gửi trao thế hệ.

+ Đặc biệt, thể thơ song thất lục bát rất phù hợp với việc biểu đạt nội dung của đoạn thơ. Nhân vật trữ tình là người cha trước lúc bị bắt rời xa cố quốc, trong thời gian cụ thể, không gian chốn biên ải giao thoa Nam- Bắc, thể thơ đã góp phần diễn tả nỗi nhục mất nước, nỗi đau bị ly tán đôi đường và nguyện ước người con sẽ thay mình đền nợ nước thù nhà của người cha Nguyễn Phi Khanh.

- Đoạn thơ còn thành công ở việc chọn cảm hứng từ một câu chuyện có thật trong lịch sử để gián tiếp bày tỏ niềm yêu nước thầm kín, khát vọng đánh đuổi giặc Pháp xâm lược để giành lại độc lập chủ quyền cho đất nước của nhà thơ Trần Tuấn Khải. Mượn xưa để nói nay, mượn lời cha với con để cổ vũ, khích lệ tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh giành độc lập của quốc dân đồng bào là một nét mới trong thơ văn yêu nước nửa đầu thế kỉ 20.

- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ gần gũi, quen thuộc mà giàu giá trị biểu cảm. Sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ như biện pháp điệp đan xen liệt kê khi gọi về truyền thống vẻ vang trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc: *kìa Trưng nữ, kìa Hung Đạo*, ... Biện pháp ẩn dụ, câu hỏi tu từ cũng rất ý nghĩa, tài hoa. Tất cả đã làm nổi bật nội dung chủ đề của đoạn thơ là niềm tự hào tự tôn dân tộc và khát vọng bảo vệ, giữ gìn nền độc lập dân tộc của người cha cũng như của nhà thơ yêu nước Trần Tuấn Khải.

*** Đánh giá; liên hệ, mở rộng:**

- Khái quát về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ: Đoạn thơ trích trong “*Hai chữ nước nhà*” là một đoạn thơ mẫu mực của thể thơ song thất lục bát thuần túy dân tộc với vần nhịp, giọng điệu phù hợp để diễn tả tâm sự u hoài của người cha trong không gian, thời gian hạn hẹp là trước lúc phải ly biệt quê hương, cha con ly tán đôi đường.

- Liên hệ mở rộng: Viết về đề tài tình yêu tổ quốc trong cảnh nước nhà bị thực dân Pháp đô hộ, ta từng bắt gặp rất nhiều áng thơ của những nhà chí sĩ yêu nước. Trong đó phải kể tới bài thơ “*Chạy giặc*” của Nguyễn Đình Chiểu. Kết thúc bài thơ, nhà thơ họ Nguyễn có viết:

*“Hỏi trang đẹp loạn rầy đâu vắng
Lỡ để dân đen mắc nạn này?”*

Hai câu thơ cũng là khát vọng về những *trang đẹp loạn* - những bậc anh hùng sẽ tiếp nối lịch sử dân tộc để đứng lên dẹp loạn cứu nước, cứu dân. Áng thơ “*Hai chữ nước nhà*” nói chung và đoạn thơ trên nói riêng, tuy mượn đề tài lịch sử cách cả năm thế kỉ, nhưng trong đó, khát vọng về nền độc lập chủ quyền và ý chí quyết tâm đánh giặc cứu nước vẫn vẹn nguyên.

3. Kết bài

Với những thành công về nội dung và nghệ thuật, đoạn thơ trên đã góp phần khẳng định giá trị của tác phẩm “*Hai chữ nước nhà*”. Văn bản đã bồi đắp cho người đọc hôm nay tình phụ tử thiêng liêng, đặc biệt là tình yêu nước, khát vọng giữ gìn và bảo vệ độc lập chủ quyền của tổ quốc thiêng liêng.

Đề số 02: Viết bài văn phân tích bài thơ “*Bà má Hậu Giang*” của tác giả Tố Hữu.

BÀ MÁ HẬU GIANG*

- Tố Hữu-**

*Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc
Phèn la kêu, trống giục vang đồng
Đường quê đỏ rực cờ hồng
Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời
Quyết một trận, quét đời nô lệ
Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!*

Hỡi ôi! Việc chữa thành công
Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang
Giặc lòng, giặc đốt xóm làng
Xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà
Một vùng trắng bãi tha ma
Lặng im, không một tiếng gà gáy trưa.

Có ai biết, ai ngờ trong đó
Còn chơ vơ một ổ lều con
Đạn bom qua, hãy sống còn
Núp sau lưng rộng một hòn đá to.
Có ai biết trong tro còn lửa
Một má già lần lửa không đi
Ở đây sóng gió bất kỳ
Má ơi, má ở làm chi một mình?
Rừng một dải U Minh tối sớm
Má lom khom đi lượm củi khô
Ngày đêm củi chất bên lò
Ai hay má cắt củi khô làm gì?
Hay má lẫn quên vì tuổi tác
Hay má liều một thác cho yên?
[...]

Lưỡi guơm lạnh toát kẻ hông
“Các con ơi! Má quyết không khai nào!”
Sức đâu như ngọn sóng trào
Má già đứng dậy, ngó vào thẳng Tây
Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!
Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Tao già không sức cầm dao
Giết bay, có các con tao trăm vùng!
Con tao, gan dạ anh hùng
Như rừng được mạnh, như rừng chàm thơm!
Thân tao chết, dạ chẳng sờn!”
Thương ôi! Lời má lưỡi guơm cắt rồi!

*Một dòng máu đỏ lên trời
Má ơi, con đã nghe lời má kêu!
Nước non muôn quý ngàn yêu
Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang.*

(thivien.net/Tổ-Hữu/Bà-má-Hậu-Giang)

Chú thích:

* “*Bà má Hậu Giang*” viết năm 1941, in trong tập “*Xiềng xích*”. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền sông Hậu kiên gan trước họng súng quân thù, quyết nuôi, giúp đỡ những người cách mạng.

** Tổ Hữu (1920-2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh ra tại thành phố Huế, là con út trong gia đình. Ông là một nhà thơ cách mạng, ở ông có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ, giữa lý tưởng trong trái tim và những câu thơ trên đầu bút. Chặng đường thơ của Tổ Hữu là chặng đường lịch sử của cả một dân tộc. Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến.

Gợi ý lập dàn ý

1. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả Tổ Hữu.
- Giới thiệu khái quát về bài thơ “*Bà má Hậu Giang*” và nêu khái quát ấn tượng chung về bài thơ.

2. Thân bài:

* **Khái quát:** Bài thơ “*Bà má Hậu Giang*” viết năm 1941, in trong tập “*Xiềng xích*”. Đây là thời kì đất nước còn chìm đắm trong đêm đen nô lệ, dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền sông Hậu kiên gan trước họng súng quân thù, quyết nuôi, giúp đỡ những người cách mạng.

*Phân tích bài thơ:

a. Luận điểm 1: Phân tích nội dung chủ đề của bài thơ:

- Bài thơ khái quát phong trào đấu tranh của nhân dân Hậu Giang trước cách mạng tháng Tám 1945.

+ **Khổ thơ thứ nhất:** Khí thế sôi sục chiến đấu, quyết tâm đánh đuổi giặc Pháp, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến đang kìm kẹp, bóc lột người dân:

*Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc
Phèn la kêu, trống giục vang đồng
Đường quê đỏ rực cờ hồng
Giáo gươm sáng đất, tâm vòng nhọn trời*

Quyết một trận, quét đời nô lệ

Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!

++ Biện pháp liệt kê từ và dãy rúc, phèn la kêu, trống giục vang đồng, ... kết hợp với hình ảnh *Đường quê đỏ rực cờ hồng* đã gợi ra khí thế cách mạng sục sôi ở mảnh đất Hậu Giang. *Cờ hồng* là lá cờ đỏ sao vàng của Việt minh, là biểu tượng cho khát vọng độc lập tự do của cả dân tộc.

++ Hàng loạt những cụm động từ mạnh như *quét đời nô lệ, quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông* phản ánh quyết tâm đấu tranh, bất chấp hi sinh cả máu xương, tính mạng để *quét đời nô lệ* của người dân Hậu Giang nói riêng, nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ nói chung.

++ Biện pháp đối trong câu thơ bát: *Giáo guom sáng đất, tầm vông nhọn trời* vừa tạo sự hài hoà, đăng đối trong diễn đạt, vừa cho biết những vũ khí thô sơ được nhân dân ta sử dụng để *quyết một trận* với quân thù.

-> Khổ thơ đầu, từ cảm hứng lịch sử hào hùng, với giọng thơ dồn dập, sục sôi khí thế, nhà thơ Tô Hữu đã tái hiện một cách chân thực mà giàu sức gợi về phong trào đấu tranh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản những năm trước cách mạng tháng Tám.

+ **Khổ thơ thứ hai:** Kết quả của phong trào đấu tranh:

Hỡi ôi! Việc chữa thành công

Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang

Giặc lòng, giặc đốt xóm làng

Xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà

Một vùng trắng bãi tha ma

Lặng im, không một tiếng gà gáy trưa.

++ Phong trào cách mạng những ngày đầu vì còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm nên các cuộc khởi lần lượt bị thực dân Pháp dập trong bể máu. Câu văn đầu như một lời than đầy đau xót *Hỡi ôi! Việc chữa thành công.*

++ Những hình ảnh tố cáo tội ác cuối cùng giết tận của kẻ thù *Giặc lòng, giặc đốt xóm làng* thể hiện rõ sự căm phẫn, thái độ phê phán, lên án gay gắt đối với kẻ cướp nước.

++ Bên cạnh đó là hàng loạt những hình ảnh gợi ra sự điêu linh, khốn cùng của quê hương, làng mạc dưới sự truy lùng ráo riết của giặc. Con người thì bị lùng bắt, giết hại không thương tiếc *máu chảy đỏ đồng Hậu Giang*. Cảnh vật thì xơ xác, tiêu điều không còn sự sống *xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà*. Nhịp sinh hoạt của làng quê như bị đảo lộn hoàn toàn *lặng im, không một tiếng gà gáy trưa*. Tất cả dường như không còn dấu vết của sự sống, mà chỉ còn chết chóc, tang thương *một vùng trắng bãi tha ma*.

-> Đến đây, nhịp thơ như chậm lại, giọng điệu nức nở, nghẹn ngào đầy xót xa, đau đớn trước sự thất bại, trước những mất mát, đau thương mà con người và quê hương phải gánh chịu. Đồng thời là tiếng nói tố cáo mạnh mẽ, đánh thép tội ác của thực dân Pháp xâm lược.

- Bài thơ ngợi ca tấm lòng yêu nước, tinh thần quả cảm, bất khuất sẵn sàng hi sinh vì cách mạng của bà má Hậu Giang.

+ Khổ thơ thứ ba: giữa đau thương, đồ nát điều tàn, sự sống hiện ra và nhen nhen niềm tin hi vọng qua căn lều và hình ảnh người má Hậu Giang:

*Có ai biết, ai ngờ trong đó
Còn chơ vợ một ổ lều con
Đạn bom qua, hãy sống còn
Núp sau lưng rộng một hòn đá to.
Có ai biết trong tro còn lửa
Một má già lần lửa không đi
Ở đây sóng gió bất kỳ
Má ơi, má ở làm chi một mình?
Rừng một dải U Minh tối sớm
Má lom khom đi lượm củi khô
Ngày đêm củi chất bên lò
Ai hay má cắt củi khô làm gì?
Hay má lẫn quên vì tuổi tác
Hay má liều một thác cho yên?*

++ Những dòng thơ đậm chất tự sự cho thấy sự kiên cường, bất khuất trước mọi tàn phá, giết chóc của kẻ thù: *Còn chơ vợ một ổ lều con - Đạn bom qua, hãy sống còn - Núp sau lưng rộng một hòn đá to.* Và sự xuất hiện của người má Hậu Giang là hiện thân của sự sống bất diệt của con người Việt Nam. Người má sống lủi thủi một mình giữa rừng U Minh, sớm tối làm công việc gom củi: *Má lom khom đi lượm củi khô -*

Ngày đêm củi chất bên lò. Những câu hỏi cuối khổ thơ gợi bao nỗi băn khoăn:

*Ngày đêm củi chất bên lò
Ai hay má cắt củi khô làm gì?
Hay má lẫn quên vì tuổi tác
Hay má liều một thác cho yên?*

Má sống đơn độc một mình nơi núi rừng heo hút, vậy hằng ngày má nhặt củi khô để làm gì. Hay do tuổi tác cao, trí tuệ má không còn minh mẫn, nhớ nhớ quên quên, nhặt củi như một thói quen *hay má lẫn quên vì tuổi tác?* Hay do má nghĩ quẩn, chuẩn bị củi lửa để “liều một

thác cho yên” phận già? Những bản khoán của tác giả cũng gieo vào lòng người đọc bao nỗi hoài nghi, thôi thúc trí tò mò khám phá câu trả lời.

+ **Khổ cuối cùng:** Tấm lòng vì dân vì nước, một lòng muốn bảo vệ những chiến sĩ cộng sản của ta mà bất chấp sự tra tấn của kẻ thù của bà má Hậu Giang.

++ Thì ra, má ngày ngày kiếm củi để nấu cơm cho các chiến sĩ cộng sản đang ẩn trốn trong rừng U Minh, tránh sự truy lùng ráo riết của thực dân Pháp. Việc làm của má đã bị lũ giặc theo dõi, một hôm khi má đang nấu một nồi cơm to trên bếp, lũ giặc đã ập tới, bắt má khai ra chỗ ẩn lấp của các chiến sĩ Việt minh. Chúng đánh đập má già một cách thẳng tay, không thương tiếc.

++ Nhưng như có một nguồn sức mạnh nội tại kì diệu, bà má Hậu Giang kiên cường, bất khuất trước đòn roi tra tấn của kẻ thù:

*Sức đâu như ngọn sóng trào
Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây
Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!
Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Tao già không sức cầm dao
Giết bay, có các con tao trăm vùng!
Con tao, gan dạ anh hùng
Như rừng đước mạnh, như rừng chà m thơm!
Thân tao chết, dạ chẳng sờn!”*

Biện pháp so sánh *sức đâu như ngọn sóng trào* khẳng định sức mạnh quật khởi của người má Hậu Giang. Đó là sự hun đúc sức mạnh của lòng căm thù giặc, sức mạnh của lòng quyết tâm và cả niềm tin sẽ tiêu diệt được kẻ thù của nhân dân Việt Nam nói chung. Lời bà má đã nói hết nỗi niềm của cả dân tộc. Là lời tố cáo đanh thép tội ác của kẻ thù cướp nước: *Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó! - Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!;* là ý chí quyết tâm và niềm tin tất thắng: *Giết bay, có các con tao trăm vùng!*

Con tao, gan dạ anh hùng; Lời của má còn khẳng định sức mạnh không gì có thể tiêu diệt được của nhân dân ta: *Con tao, gan dạ anh hùng - Như rừng đước mạnh, như rừng chà m thơm! - Thân tao chết, dạ chẳng sờn!* Người mẹ Việt Nam anh hùng ấy đã kiên cường, quả cảm, bảo vệ đến cùng sự an toàn của “các con”.

++ Chính thái độ kiên định, thà chết không chịu khai ra nơi ẩn lấp của chiến sĩ cộng sản, bà má đã chọc giận lũ chó săn cướp nước, chúng đã thẳng tay cướp đi mạng sống của má

*Thương ôi! Lời má lười guom cắt rồi!
Một dòng máu đỏ lên trời
Má ơi, con đã nghe lời má kêu!*

*Nước non muôn quý ngàn yêu
Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang.*

Má ngã xuống, nhưng lời má thành lời hiệu triệu sức mạnh cho các con của má, cho nhân dân Nam Bộ. Hình ảnh ẩn dụ ví lũ giặc là *muôn quý ngàn yêu* – lũ yêu ma quý quái không hề có nhân tính. Má mất đi để còn mãi với nước non muôn đời, trở thành biểu tượng sức mạnh, đức hi sinh tuy âm thầm mà vĩ đại của người mẹ Việt Nam: *Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang*.

b. Luận điểm 2: Phân tích giá trị nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó trong biểu đạt nội dung bài thơ.

- Thành công trước hết về nghệ thuật của bài thơ là việc chọn thể thơ song thất lục bát. Đây là thể thơ có những quy định khá chặt chẽ về luật so với thể lục bát dân gian:

+ Mỗi khổ thơ nhỏ gồm bốn câu thơ: hai câu song thất (bảy chữ) và một cặp lục bát (sáu-tám chữ).

+ Gieo vần trong mỗi khổ: vần chân xen lẫn vần lưng, vần bằng kết hợp vần trắc. Chẳng hạn ở bốn câu thơ sau, các chữ hiệp vần là:

Có ai biết, ai ngờ trong đó

T

Còn chơ vơ một ổ lều con

T

B

Đạn bom qua, hãy sống còn

B

Núp sau lưng rộng một hòn đá to.

T

+ Nhịp thơ linh hoạt, cặp song thất thường là ngắt nhịp lẻ trước chẵn sau, như cặp câu sau:

Hay má lẫn/ quên vì tuổi tác

Hay má liêu/ một thác cho yên?

Cặp lục bát thường ngắt nhịp chẵn như:

Sức đâu/ như ngọn sóng trào

Má già đứng dậy, /ngó vào thẳng Tây

Tạo giọng điệu vừa hào hùng, vừa bi tráng để diễn tả không khí sục sôi cách mạng và sự quật khởi, kiên cường của người má Hậu Giang.

+ Chọn thể thơ này để biểu đạt nội dung về câu chuyện hi sinh quên mình của bà má Hậu Giang – một người mẹ Việt Nam anh hùng là hoàn toàn phù hợp. Bởi những câu thơ vừa đan xen kể việc, vừa bộc lộ tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình là người chiến sĩ cộng sản đã được má cru mang, che chở.

- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ vô cùng chân thực mà giàu giá trị biểu cảm. Lời thơ mà đan xen lời nói trực tiếp, khiến cho bài thơ giàu chất tự sự, rất đặc trưng của thể thơ song thất lục bát.
- Bài thơ còn sử dụng nhiều biện pháp tu từ giàu giá trị biểu đạt. Biện pháp điệp ngữ kết hợp câu hỏi tu từ trong những câu thơ:

Ai hay má cất củi khô làm gì?

Hay má lẫn quên vì tuổi tác

Hay má liều một thác cho yên?

Vừa tạo nhịp điệu, vừa tạo liên kết thơ, đồng thời nhấn mạnh những băn khoăn, thắc mắc về hành động *cất củi khô* của bà má. Từ đó khơi gợi sự tò mò, thu hút người đọc, người nghe. Biện pháp so sánh cũng được sử dụng rất thành công, có những so sánh để khẳng định sức mạnh quật khởi của bà má: “*Sức đâu như ngọn sóng trào*”; có so sánh cho thấy niềm tin vào sức mạnh bất diệt của quân dân ta:

Con tao, gan dạ anh hùng

Như rừng được mạnh, như rừng chàm thơm!

Niềm tin của má với các con – những chiến sĩ cộng sản *Như rừng được mạnh, như rừng chàm thơm* chẳng kẻ thù nào, chẳng sức mạnh nào có thể diệt hết được trong rừng U Minh, ngăn được chàm thôi sinh sôi nảy nở toả hương nơi cánh rừng này, cũng như kẻ thù chẳng bao giờ có thể tiêu diệt được “các con” của má. Đó cũng là niềm tin của cả dân tộc, từ đó tạo nên nguồn sức mạnh to lớn từng bước nhấn chìm giặc ngoại xâm...

*** Đánh giá; liên hệ, mở rộng:**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ:

Bài thơ “*Bà má Hậu Giang*” với thể thơ song thất lục bát tài hoa, đảm bảo nghiêm ngặt các yếu tố về gieo vần, ngắt nhịp, kết hợp với các biện pháp tu từ như điệp ngữ, so sánh, ẩn dụ,... Tô Hữu đã làm nổi bật hình tượng đẹp về người mẹ Việt Nam anh hùng bất khuất kiên cường, sẵn sàng hi sinh vì dân vì nước.

- Liên hệ: Đề tài người mẹ Việt Nam trong chiến tranh là nguồn cảm hứng lớn của thơ ca cách mạng. Những người phụ nữ với tình thương vô bờ, sẵn sàng cur mang, yêu thương những người chiến sĩ cách mạng như con đẻ của mình. Nhà thơ Chế Lan Viên từng cảm động viết nên những câu thơ:

Con với mẹ không phải hòn máu cắt

Mà suốt đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Tô Hữu có nhiều bài thơ viết về đề tài này, tiêu biểu như những bài: “*Mẹ Tom*”, “*Mẹ Suốt*”, “*Bầm ơi*”, ... nhưng đa phần đều được viết bằng thể lục bát quen thuộc. Duy chỉ có bài “*Bà má Hậu Giang*” viết bằng thể song thất lục bát. Nhưng dù viết bằng thể thơ nào,

những bài thơ của Tố Hữu đã thực sự tạc dựng bức tượng đài vĩ đại về những người Mẹ Việt Nam anh hùng bất tử với thời gian.

3. Kết bài: Khẳng định giá trị bài thơ, nêu bài học bản thân.

Bài thơ “*Bà má Hậu Giang*” ra đời cách chúng ta đã gần một thế kỉ, nhưng những giá trị độc đáo về nội dung và nghệ thuật đã đưa bài thơ trở thành một khúc ca đi cùng năm tháng. Bài thơ bồi đắp cho người đọc chúng ta hôm nay niềm cảm phục, tự hào, lòng biết ơn với những hi sinh âm thầm mà vĩ đại của những người phụ nữ Việt Nam muôn đời.

Đề số 03: Viết bài văn phân tích đoạn trích sau:

*Dạo hiên vắng thăm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?
Đèn có biết dường bằng chẳng biết
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi
Buồn rầu nói chẳng nên lời
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.
Gà eo óc gáy sương năm trống
Hoè phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.
Hương gượng đốt hồn đà mê mải
Gương gượng soi lệ lại châu chan
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn
Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.
Lòng này gửi gió đông có tiện?
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.*

(Trích *Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn, diễn Nôm Đoàn Thị Điểm, theo *Những khúc ngâm chọn lọc*, NXB Giáo dục, 1994)

Gợi ý lập dàn ý

1. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả Đặng Trần Côn, dịch giả Đoàn Thị Điểm.
- Giới thiệu khái quát về tác phẩm *Chinh phụ ngâm* và đoạn trích được phân tích.

2. Thân bài

***Khái quát:**

- Đầu đời Cảnh Hưng có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành Thăng Long, triều đình cát quân đánh dẹp. Đặng Trần Côn “cảm thời thế” đã viết nên tác phẩm “Chinh phụ ngâm”.

- Hình tượng người chinh phụ là hình tượng trung tâm của trích đoạn, nổi bật trong khúc ngâm. Hình ảnh người chinh phụ hiện lên trong khúc ngâm từ đầu đến cuối tác phẩm vẫn chỉ là tâm trạng đầy biến động trong nỗi trông ngóng, đợi chờ chồng.

- Đoạn trích từ câu 193 đến câu 216 của tác phẩm diễn tả tâm trạng cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ trong nỗi mong ngóng chồng phương xa trở về.

***Phân tích đoạn trích:**

a. Luận điểm 1: Phân tích nội dung chủ đề của đoạn trích

- Trước tiên, 8 câu thơ đầu đã diễn tả nỗi cô đơn của người chinh phụ trong cảnh một mình một bóng.

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?
Đèn có biết dường bằng chẳng biết
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi
Buồn rầu nói chẳng nên lời
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.*

+ Hành động: dạo hiên vắng, ngồi, buông rèm cuốn rèm. Những hành động lặp đi lặp lại không mục đích, vô nghĩa thể hiện tâm trạng rối bời, nhưng nhớ, cô đơn lẻ loi của người chinh phụ.

+ Ngoại cảnh: chim thước và đèn.

++ Chim thước là loài chim báo tin lành vậy mà ở đây người chinh phụ mong nó đến mà nó cứ im bất, chẳng có tin tức gì, khiến người chinh phụ càng thêm buồn.

++ Khi đối diện với *ngọn đèn*, người chinh phụ khát khao sự đồng cảm, chia sẻ. Nàng muốn giải bày tâm trạng, nàng tin rằng chỉ có đèn biết tâm sự của mình. Câu hỏi tu từ “*Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?*” đã thể hiện mong muốn sẻ chia. Nhưng ngay ở

câu thơ sau nàng lại phủ nhận, *đèn* làm sao chia sẻ được tấm lòng này chỉ có một mình mình biết, một mình mình hay. Từ “*bi thiết*” cực tả cảm giác cô đơn và sự khát khao được đồng cảm của chinh phụ trong đêm vắng.

Như vậy, các yếu tố ngoại cảnh đã nói hộ cho nỗi lòng vò võ của chinh phụ ngóng chồng đi chinh chiến.

- 8 câu thơ tiếp theo càng tô đậm hơn tâm trạng bồn chồn, mong ngóng chồng nơi phương xa:

*Gà eo óc gáy sương năm trống
Hoè phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.
Hương gượng đốt hồn đà mê mải
Gương gượng soi lệ lại châu chan
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn
Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.*

+ Âm thanh tiếng gà eo óc báo canh năm cho thấy người vợ xa chồng đã thao thức suốt cả đêm.

+ Hình ảnh cây hòe phát phơ trong đêm gợi nên một cảm giác hoang vắng đáng sợ.

Suốt một đêm người chinh phụ thao thức. Biện pháp so sánh thời gian từng khắc trôi qua “*đằng đẵng như niên*” nhấn mạnh thời gian một đêm dài lê thê. Như vậy thời gian chờ đợi, ngóng trông chồng của người chinh phụ đã trở thành thời gian tâm lí. Nỗi buồn của người chinh phụ cũng trĩu nặng, kéo dài theo thời gian chìm lên cả không gian mênh mông, nỗi sầu đó không thể đo đếm như biển cả bao la.

+ 2 cặp từ láy “*đằng đẵng - dằng dặc*” làm người đọc cảm nhận được mối sầu cứ bám riết đeo đẳng trong tâm hồn người chinh phụ không biết bao giờ dứt.

+ Người chinh phụ đốt hương, soi gương, gảy đàn để mong xua đi nỗi buồn nhưng từ gượng xuất hiện 3 lần nhấn mạnh sự miễn cưỡng phải làm, làm một cách gượng gạo, chán chường:

++ Gượng đốt hương mong tìm sự thanh thản nhưng tâm hồn lại thêm mê man.

++ Gượng soi gương trang điểm nhưng nước mắt đầm đìa, rơi lã chã.

++ Gượng gảy đàn nhưng đàn sắt, đàn cầm, dây uyên, phím loan lại gợi đến hình ảnh lứa đôi. Đến đây nỗi buồn xa cách còn cộng thêm cả sự lo lắng. Bởi theo quan niệm xưa “*dây uyên kinh đứt*” “*phím loan ngại ngừng*” báo hiệu sự không may mắn của tình cảm vợ chồng.

Như vậy, những hành động gượng gạo không giúp người chinh phụ tìm được sự giải tỏa mà trái lại nỗi cô đơn, sầu nhớ càng thêm chồng chất; người chinh phụ càng rơi vào tuyệt

vọng. Ở 16 câu đầu, qua những hành động và một vài yếu tố ngoại cảnh, tác giả đã khắc họa tâm trạng cô đơn của người chinh phụ rất rõ. Đó là tâm trạng cô đơn lẻ loi, rồi bời, nhưng nhớ đến ngân ngơ, buồn sầu.

- 8 câu cuối đoạn trích diễn tả nỗi nhớ nhung trào dâng của người chinh phụ, mong muốn gửi yêu thương tới người chồng nơi xa:

*Lòng này gửi gió đông có tiện?
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.*

+ “Nghìn vàng” là tấm lòng thương nhớ chồng nơi xa của người chinh phụ.

+ “Gió đông” là ngọn gió mùa xuân mang không khí ấm áp.

Với nỗi nhớ chồng da diết, khi bắt gặp ngọn gió đông (gió xuân) người chinh phụ lóe lên ý định nhờ gió đông gửi thương nhớ tới chồng. Câu hỏi ở đầu cùng việc sử dụng nhiều từ trang trọng: “*có tiện, nghìn vàng, xin*” thể hiện sự nhún mình, sự năn nỉ của người chinh phụ. Nhưng mong muốn gửi nỗi nhớ đến chồng của người chinh phụ không thể thực hiện bởi “Non Yên” chỉ là hình ảnh ước lệ, chỉ miền núi non biên ải xa xôi. Chỉ có nỗi nhớ là hiện thực “Non Yên...đường lên bằng trời”. Nỗi nhớ được cụ thể hoá bằng hình ảnh độc đáo: “đường lên bằng trời”. Tác giả còn dùng từ láy “*thăm thẳm*” chỉ độ sâu để miêu tả nỗi nhớ. Rồi không biết trời xanh liệu có hiểu được nỗi lòng của người chinh phụ không? Từ “*đau đáu*” ở câu tiếp theo gợi sự dỗi trông tập trung cao độ về một hướng với nỗi lo lắng không yên. Không biết người chồng của mình ra trận rồi có ngày trở về nữa hay không.

+ Đến hai câu thơ cuối bài người chinh phụ dường như đã quá u sầu nên nhìn cảnh vật đâu đâu cũng thấy sầu:

*“Cảnh buồn người thiết tha lòng
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun”*

Cảnh vật và con người có sự đồng cảm với nhau. Tâm trạng buồn, cô đơn của con người như thấm sang cảnh vật, khiến cho thiên nhiên cũng nhuốm một màu bi ai, sầu tủi.

b. Luận điểm 2: Phân tích giá trị nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó trong biểu đạt nội dung đoạn trích.

- Thành công trước hết về nghệ thuật của bài thơ là việc chọn thể thơ song thất lục bát. Đây là một thể thơ của dân tộc có khả năng lớn trong việc thể hiện tâm trạng của nhân vật, nhất là tâm trạng buồn đau, sầu muộn.

+ Mỗi khổ thơ nhỏ gồm bốn câu thơ: hai câu song thất (bảy chữ) và một cặp lục bát (sáu-tám chữ).

+ Gieo vần trong mỗi khổ: vần chân xen lẫn vần lưng, vần bằng kết hợp vần trắc.

+ Nhịp thơ linh hoạt, cặp song thất thường ngắt nhịp lẻ trước chẵn sau, cặp lục bát thường ngắt nhịp chẵn.

- Ngôn ngữ chọn lọc, giàu giá trị biểu cảm.

- Đoạn thơ còn sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ giàu giá trị biểu đạt như liệt kê, đối, điệp, so sánh, câu hỏi tu từ,...nhằm diễn tả những cung bậc tâm trạng phong phú của nhân vật trữ tình.

*** Đánh giá; liên hệ, mở rộng:**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích:

Đoạn trích thành công với nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật qua hành động, qua ngoại hình... cùng thể thơ song thất lục bát. Với nỗi niềm cảm thông sâu sắc, tác giả và dịch giả đã diễn tả thật tinh tế và thành công những trạng thái tâm lí phức tạp của người chinh phụ. Qua đó, đoạn trích tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa gây đau khổ, chia li cho con người.

Liên hệ:

- *Chinh phụ ngâm* là tác phẩm đầu tiên của nhà Nho viết về phụ nữ ở bình diện con người trần thế chứ không phải từ khía cạnh đạo đức phong kiến, mở đầu cho dòng văn học viết về nữ giới trong suốt thế kỉ XVIII và đầu XIX. Đặng Trần Côn là nhà Nho đọc sách thánh hiền, lại sống trong môi trường Tống Nho cực đoan ở nước ta nhưng đã có tư tưởng nữ quyền rất nhân bản. Với *Chinh phụ ngâm*, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam trung đại, người vợ lính được chọn là nhân vật trung tâm trong một tác phẩm thơ có quy mô. Không như hầu hết các tác phẩm viết về người phụ nữ trước đó đề cập đến vấn đề tiết hạnh, khúc ngâm là muôn vàn cảm xúc chân thực, đời thường của người vợ xa chồng...là những khao khát về tình yêu lần đầu tiên được nhà nho – người đàn ông đề cập tới trong văn học.

- Cùng viết về số phận người phụ nữ còn có những khúc ngâm khác như *Cung oán ngâm* (Nguyễn Gia Thiều) hay một số tác phẩm cất tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến như *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), thơ Hồ Xuân Hương,...

3. Kết bài: Khẳng định giá trị đoạn trích, nêu bài học bản thân.

Với *Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn trở thành một trong những người mở đầu cho khuynh hướng văn học nhân đạo: thức tỉnh ý thức về quyền sống và số phận con người,

khám phá và thể hiện con người ở khía cạnh con người cá thể, con người trần thế với những khát vọng sống trần thế. Đọc đoạn trích, em thấy bản thân mình cần yêu thương và trân trọng hơn những người phụ nữ quanh mình và quý trọng giá trị của hòa bình.

RÚT KINH NGHIỆM

TIẾT 11,12,

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

- Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
- Nội dung:** HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.
- Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

Cách 1: GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

Cách 2: GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

- Báo cáo, thảo luận:

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

- Kết luận: GV nhận xét, chốt kiến thức.

I. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Năng lực Đọc	Thơ song thất lục bát	7 TL	3	15%	2	25%	2	20%	60%

2	Năng lực Viết	Viết bài nghị luận phân tích tác phẩm thơ song thất lục bát.	1	7,5%	10%	22,5%	40%
Tỉ lệ %				22,5%	35%	42,5%	100%
Tổng			8	100%			

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ song thất lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố về luật của thơ song thất lục bát, thơ tám chữ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ. - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. Thông hiểu: - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà	3TL	2TL	2TL	0	7

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản. - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố trong thơ. Vận dụng: - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại. - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			hiểu văn bản - Phân biệt được sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát.					
2	LÀM VĂN	Viết bài nghị luận phân tích tác phẩm thơ song thất lục bát.	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận tác phẩm thơ. - Nêu được cụ thể vấn đề cần giải quyết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận tác phẩm thơ. Thông hiểu: - Phân tích được nội dung chủ đề và một số đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm thơ song thất lục bát. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí	1*	1*	1*	1TL*	1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			lễ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Nêu được những bài học bản thân rút ra từ tác phẩm thơ. Vận dụng cao: Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 9 lớp để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tổng				3 TL	2TL	2 TL	1 TL	8
Tỉ lệ %				22,5%	35%	32,5%	10%	100
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%		100

III. ĐỀ BÀI

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

KHÓC DƯƠNG KHUÊ*

(Nguyễn Khuyến)

Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Kẻ tuổi tôi còn hơn tuổi bác,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,
Nhớ từ thuở đặng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo,
Có khi tăng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang⁽¹⁾,
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương⁽²⁾ ấm ấp bầu xuân,
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần⁽³⁾ trước sau,
Buổi dương cửu⁽⁴⁾ cùng nhau hoạn nạn,
Phận đầu thặng⁽⁵⁾ chẳng dám tham trời,
Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần,
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,

Tôi lại đau trước bác mấy ngày,
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mãi lên tiên,
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua,
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa,
Giường kia⁽⁶⁾ treo những hững hờ,
Đàn kia⁽⁷⁾ gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn,
Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lầy nhớ làm thương,
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan.

(Theo *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 2012)

Chú thích:

* Dương Khuê (1839 – 1902) người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Ứng Hòa, thuộc Hà Nội), đỗ tiến sĩ năm 1868, làm quan đến chức Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình. Ông là bạn thân của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

Khóc Dương Khuê lúc đầu viết bằng chữ Hán (Văn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư), sau đó được chính Nguyễn Khuyến dịch ra chữ Nôm và bản chữ Nôm lại có phần phổ biến hơn bản chữ Hán.

⁽¹⁾ *Cầm xoang* (*cầm*: đàn; *xoang*: điệu hát): ở đây chỉ việc tác giả và bạn đi hát ả đào.

⁽²⁾ *Quỳnh tương*: chỉ thứ rượu ngon.

⁽³⁾ *Đông bích*: chỉ phòng đọc sách. *Điển phần*: tức *tam phần ngũ điển*, chỉ các sách thời thượng cổ Trung Quốc mà nhà nho xuru nghiên cứu.

⁽⁴⁾ *Buổi dương cửu*: thời buổi suy đồi, vận hạn; ở đây chỉ thời gian nước ta bị thực dân Pháp xâm lược.

⁽⁵⁾ *Phận đầu thắng*: *đầu* và *thắng* là dụng cụ đóng thóc gạo thời xưa. Các quan ngày xưa nhận lương bằng thóc nên nói phận đầu thắng là nói phận người làm quan.

⁽⁶⁾ *Giường kia*: Trần Phồn thời hậu Hán có người bạn thân là Từ Trĩ. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường khi bạn đến chơi mời ngồi, lúc bạn về lại treo giường lên.

⁽⁷⁾ *Đàn kia*: Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn. Bá Nha là người chơi đàn giỏi. Tử Kỳ có tài nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được điều Bá Nha đang nghĩ. Người ta gọi đó là bạn tri âm (biết được tiếng đàn). Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình. Có thuyết nói là Bá Nha treo đàn không gảy nữa.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2. Bài thơ trên viết về đề tài gì?

Câu 3. Chỉ ra 03 kỉ niệm giữa nhà thơ và bạn của mình được nhắc tới trong bài thơ.

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: “*Bác Dương thôi đã thôi rồi*”.

Câu 5. Chỉ ra và nêu tác dụng của việc sử dụng điển tích trong hai câu thơ sau:

*Giường kia treo những hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn,*

Câu 6. Nhận xét về tình bạn của nhà thơ và Dương Khuê.

Câu 7. Bài thơ *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến) giúp anh/chị có thêm nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến ở phần Đọc hiểu.

IV. ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	Thể thơ: song thất lục bát.	0,5
	2	Đề tài: tình bằng hữu/ tình bạn bè.	0,5
	3	HS chỉ ra 03 kỉ niệm giữa nhà thơ và bạn của mình được nhắc tới trong bài thơ. Có thể chỉ ra những kỉ niệm sau: + Cùng đi chơi nơi dặm khách, nơi có suối chảy róc rách. + Cùng đi hát ả đào. + Cùng uống rượu ngon	0,5

	+ Cùng bàn soạn câu văn trong các sách cổ + Cùng nhau trải qua những thời buổi hoạn nạn ...	
4	Câu thơ: “<i>Bác Dương thôi đã thôi rồi</i>”: - Biện pháp nói giảm nói tránh: “thôi đã thôi rồi” → nói giảm nói tránh về sự ra đi, về cái chết của nhân vật bác Dương (Dương Khuê). - Tác dụng: + Nhằm làm giảm nỗi đau của nhà thơ trước sự ra đi đột ngột của người bạn tri kỉ. + Thể hiện nỗi xót thương của nhà thơ khi mất bạn. + Làm cho cách diễn đạt bớt nặng nề, không gây ấn tượng về sự đau buồn cho người đọc.	1,0
5	- Hai điển tích được sử dụng trong hai câu thơ là: + <i>Giường kia</i>: Trần Phồn thời hậu Hán có người bạn thân là Từ Trĩ. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường khi bạn đến chơi mời ngồi, lúc bạn về lại treo giường lên. + <i>Đàn kia</i>: Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn. Bá Nha là người chơi đàn giỏi. Tử Kỳ có tài nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được điều Bá Nha đang nghĩ. Người ta gọi đó là bạn tri âm (biết được tiếng đàn). Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình. Có thuyết nói là Bá Nha treo đàn không gảy nữa. - Tác dụng của việc sử dụng hai điển tích <i>giường kia</i>, <i>đàn kia</i>: + Làm cho câu thơ thêm hàm súc, trang nhã. + Nhấn mạnh cảm xúc trống vắng của tác giả khi bạn rời xa. + Qua đó thể hiện tình bạn thắm thiết, keo sơn giữa hai người.	1,5
6	- Tình bạn giữa nhà thơ Nguyễn Khuyến và Dương Khuê: được thể hiện qua việc nhà thơ nhắc lại bao kỉ niệm đã gắn bó cùng với bạn; thể hiện qua nỗi đau đón, tiếc thương bạn từ chính cõi lòng nhà thơ lan tỏa ra cả không gian rộng lớn, bao la. - Nhận xét: + Đó là tình bạn đẹp đẽ, chân thành, đáng quý giữa những người bạn tri âm, tri kỉ.	1,0

		+ Qua tình bạn giữa nhà thơ và Dương Khuê, nhà thơ đã lan tỏa đến người đọc giá trị của tình bạn chân chính.	
	7	- Bài thơ <i>Khóc Dương Khuê</i> khắc họa tình bạn giữa Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, đó là một tình bạn đẹp đẽ, gắn bó giữa hai con người đồng điệu về tâm hồn, chí hướng. Qua những kỉ niệm chung được tái hiện, ta cảm nhận được sự gắn bó keo sơn, chia sẻ vui buồn, đồng cam cộng khổ của hai người bạn. - Qua bài thơ, người đọc có thể rút ra những nhận thức về tình bạn, tình người trong cuộc sống: + Tình bạn bè bằng hữu, tình người là tình cảm đáng quý mà chúng ta có trong cuộc sống. Đó là điểm tựa tinh thần giúp mỗi chúng ta có thêm niềm vui, niềm tin trong cuộc sống. + Mỗi người hãy biết quý trọng tình bạn, sống ân nghĩa ân tình với nhau cả khi còn sống lẫn khi đã khuất. + Cần giữ gìn và vun đắp những tình bạn mà chúng ta đang có trong hiện tại. ...	1,0
II	PHẦN VIẾT		4,0
		Viết bài văn nghị luận phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến ở phần Đọc hiểu.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Viết bài nghị luận phân tích đoạn trích thơ song thất lục bát.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản <i>Khóc Dương Khuê</i> (Nguyễn Khuyến).	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: 1. Mở bài Tình bạn là một trong số những đề tài có từ lâu đời trong lịch sử văn học Việt Nam. Bài thơ <i>Khóc Dương Khuê</i> của nhà thơ Nguyễn Khuyến được xếp vào hàng những tác phẩm xuất	1,0

	sắc nhất viết về đề tài tình bạn. Tác phẩm là dòng cảm xúc của nhà thơ đau xót khôn nguôi của tác giả khi hay tin người bạn tri âm tri kỉ qua đời. 2. Thân bài: *Khái quát: - Dương Khuê là bạn đồng khoa với Nguyễn Khuyến tại khoa thi Hương năm 1864. Dương Khuê đỗ tiến sĩ, làm quan to, để lại nhiều bài thơ hát nói tuyệt bút. Từ bạn đồng khoa đã phát triển thành bạn tri âm tri kỉ nên Nguyễn Khuyến mới có thơ khóc bạn cảm động và tha thiết như vậy khi hay tin bạn qua đời. - Bài "<i>Khóc Dương Khuê</i>" lúc đầu viết bằng chữ Hán (<i>Văn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư</i>), sau đó được chính Nguyễn Khuyến dịch ra chữ Nôm và bản chữ Nôm lại có phần phổ biến hơn bản chữ Hán. Có thể xem đây cũng là một bài văn tế được viết bằng thể thơ song thất lục bát, giọng thơ réo rất thấm đầy lệ, gồm có 38 câu thơ. *Phân tích đoạn trích: Luận điểm 1: Phân tích nội dung chủ đề của văn bản. - Trước tiên, hai câu thơ đầu diễn tả nỗi đau đột ngột của nhà thơ khi mất bạn: <i>“Bác Dương thôi đã thôi rồi Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta”</i> + Câu lục ngắt nhịp 2/1/3 => đọc lên nghe nhói đau, quặn thắt như những tiếng nấc tắc nghẹn trong nỗi đau đến quá đổi bất ngờ. + Cách dùng “thôi đã thôi rồi”: cách nói giảm nói tránh để giảm bớt nỗi đau mất bạn + Cách xưng hô “bác” thể hiện sự thân thiết trân trọng với người đã khuất + Các từ láy “man mác, ngậm ngùi” kết hợp với nhịp thơ 4/4 ở câu bát đã diễn tả nỗi đau kéo dài như vô cùng vô tận. Nỗi đau từ chính cõi lòng nhà thơ lan tỏa ra cả không gian rộng lớn, bao la. Lời thơ như một tiếng than đầy thương tiếc, nhẹ nhàng mà thấm thiết.	
--	---	--

	- Đoạn thơ tiếp theo gồm 20 câu thơ đã tái hiện lại những kỉ niệm tươi rói về tình bạn trong hồi tưởng của nhà thơ: <i>Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước, [...] Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can.</i> + Từng kỉ niệm như sống lại trong trí nhớ của nhà thơ với người bạn của mình: ++ Cùng nhau thi đỗ làm quan ++ Cùng nhau rong chơi khắp chốn non nước ++ Cùng ngân nga hát ả đào ++ Cùng nhau uống rượu và bình luận thơ văn ++ Cùng nhau trải qua những buổi hoạn nạn, vật đổi sao rời ++ Cuộc gặp gỡ cuối cùng => Đây là những kỉ niệm kéo dài từ tuổi trẻ cho đến lúc về già, thể hiện tình bạn gắn bó keo sơn, thắm thiết. + Các từ ngữ “sớm hôm”, “cùng nhau”, “từ trước đến sau” thể hiện một tình bạn vô cùng thân thiết, chung thủy. Mỗi một kỉ niệm là một mảnh tâm hồn của nhà thơ được nhắc lại với bao nhiêu giọt lệ. Nguyễn Khuyến như vẫn thấy Dương Khuê đang cùng mình hiển hiện. Phải là bạn tâm đầu ý hợp, phải là những tao nhân mặc khách mới có những kỉ niệm cảm ca, thi tửu đẹp và đáng nhớ như vậy. + Nguyễn Khuyến đã sử dụng cách diễn đạt trùng điệp hai nhóm từ ngữ: “Cũng có lúc” và “có khi” đan chéo vào nhau, bốn lần xuất hiện, vừa để liệt kê gợi nhớ, vừa tạo nên âm hưởng quán quýt, thiết tha. Những kỉ niệm ấy vô cùng sâu sắc, đẹp đẽ về tình bạn, không bao giờ có thể quên được. => Trong đoạn thơ hồi tưởng này, những kỉ niệm được trình bày theo trình tự thời gian, từ “thuở đăng khoa” đến khi hai người tuổi đã già. Phép liệt kê, trùng điệp được vận dụng để gây ấn tượng về một tình bạn lâu bền, sâu sắc, thủy chung và vô cùng thắm thiết. - Đoạn thơ cuối đã diễn tả thật cảm động nỗi đau mắt bạn cùng nỗi huyệt hẫng, chơi vơi khi đối diện với hiện thực phũ	
--	---	--

phàng:

Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,

[...]

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan.

+ Giọng thơ kể lể, tự tình. Trong lời than thảm đầy lệ. Các tiếng “tôi” và “bác” xuất hiện nhiều lần trong đoạn thơ như hai linh hồn đang nương tựa vào nhau; nỗi đau buồn như được nhân lên gấp bội.

+ Nỗi đau đớn, trống vắng khi bạn mất:

++ Chân tay rụng rời khi nghe tin bạn mất

++ Rượu ngon không có bạn hiền

++ Câu thơ hay không có người bình luận

++ Đàn kia gãy cũng không ai thấu hiểu

=> Mất bạn, nhà thơ trở nên cô đơn: rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gãy,...

+ Kết cấu trùng điệp, điệp ngữ: “không có, không mua, không phải” (điệp từ “không” 5 lần) => cảm giác nức nở, sự trống vắng đến nghẹn ngào, chua xót.

+ Sử dụng điển tích Trung Quốc *giường kia, đàn kia* nói về tình bạn giữa Trần Phồn – Từ Trĩ, Bá Nha – Chung Tử Kỳ. Qua đó, tác giả muốn thể diễn tả tình bạn tri âm, tri kỉ gắn bó keo sơn bền chặt, cùng nỗi trống vắng, hụt hẫng khi bạn không còn.

- Từ “đàn” đầu câu lấy lại cuối câu: trạng thái ngẩn ngơ chuyển sang thống thiết, tình cảm như đợt sóng trào dâng.

- Sự tinh tế ở hai câu thơ cuối “*Tuổi già... chứa chan*” cho thấy nhà thơ tuổi già không còn nước mắt để khóc bạn, nhưng kỉ thực câu thơ đầm đìa nước mắt.

Luận điểm 2: Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó.

- Thể thơ song thất lục bát với quy định rất chặt chẽ về vần, về nhịp.

+ Vần chân xen vần lưng, vần trắc xen lẫn vần bằng. Chẳng hạn ở khổ thơ thứ nhất:

Nhớ từ thuở đãng khoa ngày trước,

		T <i>Vẫn sớm hôm tôi <u>bác</u> cùng <u>nhau</u>,</i> T B <i>Kính yêu từ trước đến <u>sau</u>,</i> B <i>Trong khi gặp gỡ khác <u>đâu</u> duyên trời?</i> B + Nhịp thơ của cặp câu song thất chủ yếu nhịp lẻ trước chẵn sau (3/4), ví dụ hai câu: <i>Cũng có lúc/ rượu ngon cùng nhấp,</i> <i>Chén quỳnh tương/ ẩm ấp bầu xuân</i> Cặp lục bát chủ yếu ngắt nhịp chẵn, ví dụ hai câu sau: <i>Có khi/ bàn soạn câu văn,</i> <i>Biết bao đông bích,/ điển phần trước sau</i> Vần nhịp ấy góp phần tạo nên giọng điệu riêng của đoạn thơ: vừa kể việc, vừa trải nỗi niềm, vừa tái hiện những xót xa hụt hẫng khi mất bạn. + Đặc biệt, thể thơ song thất lục bát rất phù hợp với việc biểu đạt nội dung của đoạn thơ. Đó là nỗi đau đớn khôn nguôi, trống vắng, hụt hẫng khi nhà thơ mất đi người bạn tri âm tri kỉ. - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ gần gũi, quen thuộc mà giàu giá trị biểu cảm. Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ như điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc, dùng điển tích, nói giảm nói tránh,.... Tất cả đã diễn tả sâu sắc, thấm thía nỗi niềm của nhà thơ trước sự ra đi của bạn. * Đánh giá; liên hệ, mở rộng: - Khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài thơ: Bằng tài năng kiệt xuất, Nguyễn Khuyến đã để lại cho hậu thế một bài thơ khóc bạn chan chứa nước mắt, qua những lời diễn đạt chân tình thống thiết. Qua nỗi đau đớn, tiếc thương trước sự ra đi của bạn, ta thấy được tình bạn cao quý của tác giả đối với người bạn tri kỉ lâu năm của mình. - Liên hệ mở rộng: Trong thơ Việt Nam đã có rất nhiều bài thơ hay thể hiện tình cảm đẹp đẽ chân thành. Cùng viết về đề tài này,	
--	--	--	--

	cụ Tam nguyên Yên Đỗ còn có nhiều bài thơ khác. Trong <i>Bạn đến chơi nhà</i>, Nguyễn Khuyến cũng thể hiện thật xúc động tình cảm giữa ông và bạn, vượt lên trên vật chất tầm thường, gắn bó với nhau trên cơ sở tình cảm bạn bè trân quý: <i>“Đầu trò tiếp khách, trầu không có Bác đến chơi đây, ta với ta”</i> (<i>Bạn đến chơi nhà</i>) Một số vần thơ khác của Nguyễn Khuyến cũng thể hiện tình bạn chân thành, đậm đà: <i>Từ trước bảng vàng nhà sẵn có Chẳng qua trong bác với ngoài tôi</i> (<i>Gửi bác Châu Cầu</i>) <i>Đến thăm bác, bác đang đau ốm Vừa thấy tôi bác nhồm dậy ngay Bác bệnh tật, tôi yếu gầy Giao du rồi biết sau này ra sao</i> (<i>Gửi thăm quan Thượng Thư họ Dương</i>) Như vậy có thể thấy, những sáng tác của Nguyễn Khuyến đã thể hiện thật chân thành, giản dị về tình bạn trọng tình cảm hơn vật chất, đến với nhau vì chữ tình. Tình bạn trong thơ Nguyễn Khuyến thật trong sáng và cao đẹp, hoàn toàn trái ngược với thái độ <i>“Còn bạc còn tiền còn đệ tử – Hết cơm hết rượu hết ông tôi”</i> mà Nguyễn Bình Khiêm đã kịch liệt lên án. 3. Kết bài: Khái quát giá trị bài thơ và nêu tác động của bài thơ này đối với cá nhân người viết. <i>Khóc Dương Khuê</i> thể hiện một tình bạn đẹp và cảm động của nhà nho thuở trước. Sau một thế kỉ, chúng ta vẫn thấy bồi ngùi xúc động khi đọc bài thơ này. Nguyễn Khuyến khóc bạn cũng là khóc cho một thế hệ nhà nho và cũng là tự khóc cho mình: <i>“Ai chẳng biết chán đời là phải”</i>...	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị	1,5

	luận. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

NHIỆM VỤ VỀ NHÀ

GV yêu cầu HS:

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.
- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.
- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

KÍ DUYỆT

NGƯỜI SOẠN